

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1362/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19-9-2023

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thiếu Liên.

2. Bà Bùi Diệu Huệ.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Trần Hoàng Phúc –Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân: bà Nguyễn Thu Thương
Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 661/2023/TLST-HNGĐ ngày 07/6/2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 388/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 334/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà N.T.T, sinh năm: 1985

Địa chỉ thường trú: Phường X, Quận Y, Thành phố Z.

Địa chỉ tạm trú: Phường S, Quận Y, Thành phố Z. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* ông H.V.P, sinh năm: 1984

Địa chỉ tạm trú: Phường X, Quận Y, Thành phố Z.

Địa chỉ tạm trú: Phường X, Quận Y, Thành phố Z. (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/5/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Bà N.T.T và ông H.V.P sau thời gian quen biết, tìm hiểu thì đến ngày 06/01/2018 cả hai tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Z và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 03/2018. Trong

quá trình chung sống thì hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018, nguyên nhân là do cả hai có mâu thuẫn về kinh tế, quan điểm sống không phù hợp, không có trách nhiệm với gia đình. Ngoài ra, trong giai đoạn từ năm 2019-2023, ông H.V.P nhiều lần đánh vợ, có hành vi bạo hành tinh thần, đỉnh điểm vào năm 2021, ông H.V.P nhiều lần đuổi bà N.T.T ra đường. Từ năm 2019 đến nay, bà N.T.T đã ly thân với ông H.V.P.

Do đó, bà N.T.T đề nghị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết cho bà:

Về quan hệ hôn nhân: bà N.T.T yêu cầu được ly hôn với ông H.V.P.

Về con chung: bà N.T.T khai nhận không có.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà N.T.T khai nhận không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bà N.T.T có đơn xin vắng mặt. Ông H.V.P vắng mặt không có lý do.

Đại diện Việt kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tòa án bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp nghiên cứu theo quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ly hôn ông H.V.P.

Về con chung: bà N.T.T khai nhận không có nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà N.T.T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bà N.T.T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết ly hôn với ông H.V.P. Ông H.V.P hiện cư trú tại Phường X, Quận Y, Thành phố Z. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có đủ cơ sở

xác định đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông H.V.P đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng ông P vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.V.P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bà N.T.T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu ly hôn của bà N.T.T. Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2018 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Z cấp ngày 06/01/2018 nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N.T.T và ông H.V.P là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.1] Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”, nhưng giữa bà T và ông P đã không còn quan tâm, chăm sóc nhau, bất đồng quan điểm sống và đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt họp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông P vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Đồng thời, ông P cũng không cung cấp, giao nộp các tài liệu, chứng cứ và vắng mặt trong các buổi hòa giải theo thông báo của Tòa án, chứng tỏ ông P không quan tâm đến việc hàn gắn gia đình với bà T. Điều đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông P đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.T.T đối với ông H.V.P.

[2.2] Về con chung: bà N.T.T khai nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: bà N.T.T khai nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: bà N.T.T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 ngày 12 tháng 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014, 2018, 2020 và 2022.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà N.T.T.

1.1. Về hôn nhân: bà N.T.T được ly hôn với ông H.V.P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2018 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Z cấp ngày 06/01/2018 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: bà N.T.T khai nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

1.4. Về nợ chung: bà N.T.T khai nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: bà N.T.T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà N.T.T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0011480, ngày 07/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014, 2018, 2020 và 2022.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Bình Tân;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Gấm